

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Liệu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 02, ấp Vĩnh Quới, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);
2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 13, khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2022, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án Chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012 chị và anh T quen biết nhau do qua mai mối nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn số 96, ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An

Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng tại khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng thường xuyên đi nhậu về đập phá đồ đạc kéo dài, chửi vợ, bạo lực với vợ và con nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị K và anh T thống nhất có một con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 06/10/2013. Hiện cháu H đang do chị K nuôi dưỡng. Chị K yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 13/5/2022 và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị K về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung nhưng về nguyên nhân ly hôn thì anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ăn nhậu về có to tiếng với vợ nên vợ chồng có mâu thuẫn, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn chuyện gì, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Chị K yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 06/10/2013 cho chị K nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T có địa chỉ tại tổ 13, khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Nhưng tại phiên tòa, anh T vắng mặt. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của anh T nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị K và anh T thống nhất vào năm 2012 chúng tôi quen biết nhau do qua mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 96, ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị K cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 nguyên nhân do anh T thường xuyên đi nhậu về nhà đập phá đồ đạc kéo dài, chửi vợ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu được ly hôn anh T còn anh T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và vợ chỉ là do anh đi nhậu nên về to tiếng với vợ, ngoài ra không có chuyện gì nên anh không đồng ý ly hôn.

Qua biên bản xác minh tại khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc cho biết: Vợ chồng anh T và chị K có đăng ký kết hôn và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 07/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường nhậu nhẹt, ít quan tâm vợ con nên chị K và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Do vợ chồng phải có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc. Nhưng trong cuộc sống gia đình anh T lại thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, không thực hiện đúng nghĩa vụ của một người chồng, người cha trong gia đình. Đồng thời trong thời gian ly thân gần một năm nhưng cả hai cũng không thể hàn gắn được lại tình cảm.

Cho thấy, tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc. Xét, cho chị K ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị K và anh T đồng thống nhất có một con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 06/10/2013.

Chị K yêu cầu được nuôi dạy cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý giao cháu H, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào sự tự nguyện thỏa thuận giữa vợ chồng thống nhất: Anh T đồng ý giao cháu H cho chị K nuôi dạy và anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không yêu cầu. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/5/2022 tại

Tòa án thì cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị K và anh T đồng thông nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh T không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với Anh Trần Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 06/10/2013. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh T đồng thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008137 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền